

Số : 6.6./BC-TLTN

Tây Ninh, ngày 16 tháng 6 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 3 năm gần nhất**

Năm báo cáo: 2020

#### **I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm trước**

##### **1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm trước (2017, 2018, 2019)**

###### **1.1. Phục vụ tưới, tiêu, cung cấp nước:**

a) Phục vụ tưới, tiêu:

Kết quả thực hiện năm 2017: Đã nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới tiêu được 147.951,77 ha/145.464 hộ, đạt 100,67% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 101,32% so cùng kỳ năm 2016;

Kết quả thực hiện năm 2018: Đã nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới tiêu được 149.565,44 ha/149.483 hộ, đạt 100,72% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 101,09% so cùng kỳ năm 2017;

Kết quả thực hiện năm 2019: Đã nghiệm thu, thanh lý hợp đồng tưới tiêu được 149.078,74 ha/140.660 hộ, đạt 100,58% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 99,67% so cùng kỳ năm 2018.

b) Cung cấp nước cho các nhà máy:

Trong 03 năm 2017, 2018, 2019 Công ty đã hợp đồng cấp nước cho các nhà máy, gồm có: Nhà máy đường 8.000 TMN (Thành Thành Công) 540m<sup>3</sup>/h; Nhà máy mì TAPIOCA 190 m<sup>3</sup>/h; Nhà máy mì Tân Châu 62,5 m<sup>3</sup>/h; Nhà máy mì Thành Vũ 190 m<sup>3</sup>/h; Nhà máy mì Hồng Phát 36m<sup>3</sup>/h; Cấp nước cho nhà máy nước khu liên hợp Công nghiệp-Đô thị-Dịch vụ-Phước Đông (VRG) 125 m<sup>3</sup>/h.

###### **1.2. Hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, và thu tiền nước:**

a) Năm 2017:

Tổng thu 84.783,016 triệu đồng, đạt 102,77% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 103,16% so cùng kỳ năm 2016. Trong đó:

+ Kinh phí từ nguồn thủy lợi phí: (nay là kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi): 77.271,548 triệu đồng đạt 102,08% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 102,56% so cùng kỳ năm 2016;

+ Thu tiền thủy lợi phí (nay là tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi) ngoài hạn điền: 106,352 triệu đồng, đạt 106,35% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 125,35% so cùng kỳ năm 2016;

+ Thu tiền nước các nhà máy và thu khác: 7.405,116 triệu đồng, đạt 110,52% kế hoạch và bằng 109,57% so cùng kỳ năm 2016.

b) Năm 2018:

Tổng thu 85.349,361 triệu đồng, đạt 99,72% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 100,67% so cùng kỳ năm 2017. Trong đó:

+ Kinh phí từ nguồn thủy lợi phí: (nay là kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi): 76.615,806 triệu đồng đạt 97,74% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 99,15% so cùng kỳ năm 2017;

+ Thu tiền thủy lợi phí (nay là tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi) ngoài hạn điền: 96,225 triệu đồng, đạt 96,26% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 90,50% so cùng kỳ năm 2017;

+ Thu tiền nước các nhà máy và thu khác: 8.637,300 triệu đồng, đạt 121,65% kế hoạch và bằng 116,64% so cùng kỳ năm 2017;

c) Năm 2019:

Tổng thu 84.358,528 triệu đồng, đạt 100,83% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 98,84% so cùng kỳ năm 2018. Trong đó:

+ Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi: 78.386,056 triệu đồng đạt 103,74% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 101,44% so cùng kỳ năm 2018;

+ Thu tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi ngoài hạn điền: 177,308 triệu đồng, đạt 177,39% kế hoạch UBND tỉnh giao và bằng 47,79% so cùng kỳ năm 2018;

+ Thu tiền nước các nhà máy và thu khác: 5.795,164 triệu đồng, đạt 96,59% kế hoạch và bằng 88,72% so cùng kỳ năm 2018.

## **2. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh**

### **2.1. Năm 2017:**

Duy tu sửa chữa công trình:

a) Từ nguồn thủy lợi phí: (nay là nguồn vốn sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi)

Kế hoạch vốn sửa chữa thường xuyên từ nguồn thủy lợi phí năm 2017 là 23.500 triệu đồng. Công ty đã lập đầy đủ các thủ tục, đã triển khai thi công, hoàn thành vào cuối năm 2017, giải ngân 100% vốn kế hoạch đã được phê duyệt trong năm 2017.

b) Từ nguồn sự nghiệp thủy lợi:

Kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh bố trí là 2.000 triệu đồng, công trình Sửa chữa thường xuyên kênh và công trình địa bàn Xí nghiệp thủy lợi Gò Dầu, Xí nghiệp thủy lợi Châu Thành.

Hạng mục:

- Gia cố kênh TN17-15 đoạn từ HL CQĐ K3+127 đến K3+530;
- Gia cố kênh N18-19-3 đoạn từ K0 ÷ K0+600;

Tổng giá trị giải ngân năm 2017 là 2.000 triệu đồng đạt 100% kế hoạch vốn được bố trí;

c) Từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung:

Trong năm 2017, Công ty được giao tổng số vốn là 16.931,14 triệu đồng. đầu tư 03 hạng mục công trình: Khôi phục kênh N26 đoạn từ K7+800 đến K8+200 và kênh N26-16, N26-16-3. Công trình: Bê tông hóa các tuyến kênh cấp 2 (N4-5, N4-7). Công trình: Gia cố kênh N4 đoạn từ K10+700 đến K13+400.

Tổng giá trị giải ngân năm 2017 là 13.252,67 triệu đồng đạt 78,27% kế hoạch vốn được bố trí. (do giá trị quyết toán thấp hơn giá dự toán)

d) Duy tu bảo dưỡng do công nhân tự thực hiện theo QĐ 227 của Công ty:

Công ty cũng đã tổ chức cho công nhân tự thực hiện trám chít, đắp vá các vị trí hư hỏng theo quy định tại quyết định số 227 của Công ty phần công nhân tự thực hiện. Cụ thể như sau:

- Đất đào	:	2.370,64 m <sup>3</sup>
- Đất đắp	:	1.165,88 m <sup>3</sup>
- Bê tông các loại	:	35,40 m <sup>3</sup>
- Vữa các loại	:	359,15 m <sup>3</sup>

## 2.2. Năm 2018

a) Từ nguồn thủy lợi phí: (nay là nguồn vốn sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi)

Kế hoạch vốn sửa chữa thường xuyên từ nguồn vốn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2018 là 23.600 triệu đồng. Công ty đã lập đầy đủ các thủ tục, đã triển khai thi công, hoàn thành vào cuối năm 2018, giải ngân 100% vốn kế hoạch đã được phê duyệt trong năm 2018.

b) Nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi:

Kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh bố trí là 2.605 triệu đồng, công trình Sửa chữa thường xuyên kênh và công trình địa bàn Xí nghiệp thủy lợi Gò Dầu, Xí nghiệp thủy lợi Tân Châu, Xí nghiệp thủy lợi Trảng Bàng, Xí nghiệp thủy lợi Hòa Thành.

Hạng mục: Gia cố kênh N12 đoạn từ K0 ÷ K0+408; Làm mới CTL tại K14+300 trên kênh chính Tân Châu; Nạo vét kênh tiêu T12-15 từ K0 đến

K5+400; Nạo vét kênh tiêu T2-2 đoạn K1+693 đến K1+900 và sửa chữa CTL 2D80 tại K0+973 kênh TN5-9-2; Gia cố kênh TN25-6 từ K0+830 ÷ K1+291.

Các hạng mục trên đã hoàn thành, đã nghiệm thu, bàn giao và giải ngân 100% vốn năm 2018.

c) Nguồn vốn ngân sách tập trung:

- Công trình: Khôi phục kênh N26 đoạn từ K7+800 đến K8+200 và kênh N26-16, N26-16-3 đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình tại Quyết định số 316/QĐ-SKH-ĐT ngày 28/10/2016; Kinh phí: 4.331 triệu đồng;

- Công trình: Bê tông hóa các tuyến kênh cấp 2 (N4-5, N4-7), đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình tại Quyết định số 317/QĐ-SKH-ĐT ngày 28/10/2016; Kinh phí: 3.967 triệu đồng;

- Công trình: Gia cố kênh N4 đoạn từ K10+700 đến K13+400, đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư phê duyệt hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình tại Quyết định số 315/QĐ-SKH-ĐT ngày 28/10/2016; Kinh phí: 4.687 triệu đồng;

Các công trình đã được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2018, đã giải ngân thanh quyết toán 100% vốn năm 2018.

d) Duy tu bảo dưỡng do công nhân tự thực hiện theo QĐ 227 của Công ty:

Song song với việc đầu tư sửa chữa từ các nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi và thủy lợi phí. Công ty cũng đã tổ chức cho công nhân tự thực hiện trám chít, đắp vá các vị trí hư hỏng theo quy định tại quyết định số 227 phần công nhân tự thực hiện. Cụ thể như sau:

- Đất đào	:	1.707,20 m <sup>3</sup>
- Đất đắp	:	1.303,55 m <sup>3</sup>
- Bê tông các loại	:	56,48 m <sup>3</sup>
- Vữa các loại	:	313,51 m <sup>3</sup>

### **2.3. Năm 2019**

a) Từ nguồn vốn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi:

Kế hoạch vốn sửa chữa thường xuyên từ nguồn vốn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2019 là 23.000 triệu đồng. Công ty đã lập đầy đủ các thủ tục, đã triển khai thi công, hoàn thành vào cuối năm 2019, giải ngân 100% vốn kế hoạch đã được phê duyệt trong năm 2019.

b) Nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Quyết định số 65/QĐ-SNN ngày 01/2/2019 về việc phê duyệt phân khai chi tiết vốn sửa chữa kênh mương

nguồn sự nghiệp thủy lợi năm 2019 là 2.605 triệu đồng; Công trình Sửa chữa thường xuyên kênh và công trình địa bàn Xí nghiệp thủy lợi Gò Dầu, Xí nghiệp thủy lợi Tân Châu, Xí nghiệp thủy lợi Châu Thành, Xí nghiệp thủy lợi Hòa Thành. Xí nghiệp thủy lợi Dương Minh Châu, gồm:

Hạng mục: Gia cố kênh N12 đoạn từ K0 ÷ K0+408; Làm mới CTL tại K14+300 trên kênh chính Tân Châu; Nạo vét kênh tiêu T12-15 từ K0 đến K5+400; Nạo vét kênh tiêu T2-2 đoạn K1+693 đến K1+900 và sửa chữa CTL 2D80 tại K0+973 kênh TN5-9-2; Gia cố kênh TN25-6 từ K0+830 ÷ K1+291.

Các hạng mục trên đã hoàn thành, đã nghiệm thu, bàn giao và giải ngân 100% vốn.

c) Duy tu bảo dưỡng do công nhân tự thực hiện theo QĐ 227 của Công ty:

Song song với việc đầu tư sửa chữa từ các nguồn vốn sự nghiệp thủy lợi và nguồn vốn hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Công ty cũng đã tổ chức cho công nhân tự thực hiện trám chít, đắp vá các vị trí hư hỏng theo quy định tại quyết định số 227 phần công nhân tự thực hiện. Cụ thể như sau:

- Đất đào	:	17.429,52 m <sup>3</sup>
- Đất đắp	:	8.604,01 m <sup>3</sup>
- Bê tông các loại	:	97,60 m <sup>3</sup>
- Vữa các loại	:	462,70 m <sup>3</sup>

Nhờ thực hiện tốt công tác sửa chữa, duy tu bảo dưỡng công trình, nhất là tăng cường trách nhiệm của đội ngũ công nhân trong việc kiểm tra công trình đã góp phần bảo đảm hệ thống kênh luôn thông thoáng, ngăn chặn kịp thời sự cố bể vỡ kênh, phục vụ tốt cho sản xuất của nhân dân trong năm 2019.

d) Từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển Công ty:

Kế hoạch đầu tư nâng cấp nhà trụ sở và các nhà trạm làm việc từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển Công ty năm 2019 do Chủ tịch Công ty phê duyệt Quyết định số 74/QĐ-TLTN ngày 29/3/2019 về việc đầu tư sửa chữa các hạng mục công trình thuộc trụ sở làm việc tại các đơn vị trực thuộc. Công ty tiến hành hợp đồng với các Công ty tư vấn thiết kế, tiến hành khảo sát lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật trình phê duyệt các hạng mục được phân khai trong kế hoạch sửa chữa năm 2019 theo quy định.

Tổng số hạng mục đầu tư là 11 danh mục với tổng giá trị xây lắp là 2.036 triệu đồng

1. Sửa chữa nhà cụm tại cống điều tiết (CĐT) K11+300 kênh Tân Hưng;
2. Sửa chữa nhà cụm tại CĐT K19+600 kênh Tân Hưng;
3. Sửa chữa nhà cụm tại cống đầu kênh (CĐK) N11 Tân Hưng;
4. Sửa chữa nhà cụm tại CĐT K3+921 kênh N15 Tân Hưng;

5. Sửa chữa nhà quản lý tại K9+020 kênh chính Tân Châu;
6. Sửa chữa nhà quản lý tại K1+564 kênh N8 Tân Châu;
7. Làm mới nhà bếp Trạm bơm xã Phan và hàng rào bảo vệ;
8. Sửa chữa nền nhà quản lý và sơn hàng rào bảo vệ trạm bơm Bến Đình;
9. Sửa chữa bếp ăn và mái che nhà làm việc XN Quản lý các Trạm bơm;
10. Làm mới bổ sung mái che nhà quản lý trạm Bơm N2.
11. Sửa chữa nhà làm việc Xí nghiệp thủy lợi Dương Minh Châu

Các hạng mục trên đã được triển khai thi công đúng tiến độ và đưa vào sử dụng để tạo điều kiện cho công nhân quản lý trực kênh có chỗ làm việc và tổ thủy nông hội họp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý và khai thác bảo vệ công trình kênh mương .

e) Công tác triển khai kế hoạch xử lý vi phạm công trình:

- Trong năm 2019 Công ty thực hiện ở các đơn vị trực thuộc, đã xử lý giải tỏa được 163 hộ vi phạm trên tổng số hộ vi phạm là 579 hộ, đạt tỷ lệ 28,15%. Số hộ vi phạm đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến chân kênh chưa giải tỏa được là 188 hộ;

Tính đến cuối năm tổng số hộ vi phạm còn lại là 604 hộ (trong đó có 188 vụ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất);

- Định kỳ hàng tháng Công ty có tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định;

- Công ty đã lập kế hoạch tiếp tục xử lý vi phạm công trình thủy lợi trong năm 2020 theo kế hoạch của UBND tỉnh. Nguyên nhân còn tồn tại là do đất của người dân đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trùng lặp với hàng lang bảo vệ kênh, mương.

**3. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.**

a) Thuận lợi:

- Được sự quan tâm chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sự hỗ trợ của các Ban, Ngành và UBND các huyện, thành phố trong việc phối hợp tổ chức quản lý khai thác hệ thống công trình thủy lợi;

- Hệ thống kênh mương đã được đầu tư nâng cấp từ các nguồn vốn tạo nhiều thuận lợi cho việc cung cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến công nghiệp trong thời gian qua;

- Người dân đã nắm bắt kịp thời các thông tin về thời gian đóng, mở nước, lịch tưới luân phiên của Ngành, đã chủ động gieo trồng các loại cây phù hợp với các biện pháp tưới tiêu trên từng khu vực, bảo đảm cho sự phát triển của cây trồng, đem lại hiệu quả năng suất cao nhất trong từng vụ sản xuất;

- Việc thực hiện đăng ký hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý của các tổ chức hợp tác dùng nước với các đơn vị trực thuộc Công ty được quan tâm và phối hợp tốt.

b) Những khó khăn và tồn tại, các yếu tố ảnh hưởng đến tình hình sản xuất của đơn vị:

- Căn cứ Công văn số 2140/UBND-KTC ngày 30/9/2019 của UBND tỉnh về việc cắt nước phục vụ thi công dự án “Sửa chữa nâng cấp kênh Tây thuộc hệ thống thủy lợi Dầu Tiếng” đợt 2, Do đó hồ Dầu Tiếng cắt nước từ sau hạ lưu Cống điều tiết K13+072 đến K39 kênh chính Tây, nên gây khó khăn cho Công ty trong quá trình vận hành tưới, tiêu và giảm diện tích tưới, tiêu của Công ty năm 2019.

- Người dân chuyển đổi cây trồng tự phát, không theo quy hoạch, diện tích trồng cây lúa liên tục giảm, xen canh nhiều loại cây trồng có nhu cầu tưới khác nhau trong cùng một khu tưới, gây nhiều khó khăn, phức tạp trong việc vận hành điều tiết nước tưới, tiêu;

- Nhiều diện tích cây công nghiệp chuyển xuống trồng ở vùng thấp, nông dân trồng cây lâu năm trên đất có kế hoạch, quy hoạch, quyền sử dụng đất là đất trồng lúa, trong khi hệ thống kênh tiêu chưa đầy đủ, Công ty phải tốn nhiều kinh phí, nhân lực để chống ngập úng;

- Mạng lưới kênh nội đồng còn thiếu nhiều, nhất là vùng tưới thuộc kênh Tân Biên-Phước Hòa chưa được đầu tư kênh nội đồng (bình quân chung toàn Công ty thiếu khoảng 30%), tỷ lệ được kiên cố hóa thấp (khoảng 63% trong số hiện có)

- Công tác làm thông thoáng lòng dẫn kênh tưới dưới 50 ha, một số tổ chức hợp tác dùng nước thực hiện đôi lúc còn chậm, chưa đồng bộ với kênh cấp trên, ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ tưới cục bộ một số khu vực;

- Vùng tưới đan xen nhiều các loại cây trồng không đúng như định hướng quy hoạch của nhà nước gây khó khăn trong vận hành tưới, tiêu.

c) Nguyên nhân những việc khó khăn còn tồn tại:

- Theo chủ trương của UBND tỉnh cắt nước kênh Tây sau K13 và cắt nước thi công kênh TN21 thuộc dự án vượt sông Vàm Cỏ để thi công các dự án lớn của Bộ và của Sở Nông nghiệp nên gây khó khăn trong vận hành tưới, tiêu và giảm diện tích tưới, dẫn đến giảm doanh thu của Công ty trong năm 2019.

- Do cơ chế thị trường nông dân tự chuyển đổi cơ cấu cây trồng và không thực hiện theo quy hoạch. Diện tích cây lúa liên tục giảm, nông dân chuyển qua trồng các loại cây trồng cạn. Trong một vùng tưới có nhiều loại cây trồng khác nhau nên nhu cầu sử dụng nước tưới khác nhau và gây khó khăn trong việc vận hành điều tiết nước tưới, tiêu phục vụ nhân dân.

- Tỉnh Tây Ninh đã có chủ trương chuyển đổi một số loại cây trồng kém hiệu quả như mía, lúa, cao su... sang trồng cây ăn quả. Hiện nay một số vùng thực hiện mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng qua cây ăn trái nên đòi hỏi phải

có hệ thống tiêu thoát nước cho cây ăn trái, trong khi hệ thống kênh tiêu do Công ty quản lý còn thiếu chưa đáp ứng được nhu cầu tiêu nước cho cây ăn trái nên phải tốn nhiều kinh phí, nhân lực để chống ngập úng; Ngoài ra nhà nước chưa có đơn giá tiêu cho cây lâu năm nên cũng gây khó khăn cho kinh phí của Công ty trong quá trình hoạt động phục vụ tưới tiêu của nhân dân.

- Các Tổ chức hợp tác dùng nước (TCHTDN) đến nay gồm: 25 hợp tác xã, 292 tổ thủy nông năng lực hoạt động còn nhiều hạn chế; kinh phí hoạt động còn nhiều khó khăn, thu nhập của các TCHTDN không tăng trong khi giá cả ngày càng tăng, gây khó khăn trong hoạt động.

- Năng lực và chất lượng hoạt động của một số TCHTDN chưa đồng bộ, chậm được khắc phục. Sự quan tâm của chính quyền địa phương, trong việc đầu tư kênh loại 3 (kênh < 50 ha) còn rất hạn chế, cũng ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ.

- Mạng lưới kênh < 50 ha nội đồng còn nhiều kênh chưa được bê tông hóa, Theo chỉ đạo của UBND tỉnh Công ty phối hợp Sở Nông nghiệp và các huyện, thị xã rà soát hệ thống kênh nội đồng để ghi vốn đầu tư.

#### **4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai**

- Các mục tiêu chủ yếu của doanh nghiệp

Tích cực mở rộng vùng tưới, trong đó hàng năm mức tăng diện tích tưới tự chảy phải cao hơn mức giảm diện tích do mở rộng khu công nghiệp, khu dân cư bảo đảm hầu hết các cấp kênh đều đủ nước thiết kế đến cuối kênh, đáp ứng đúng yêu cầu dùng nước của từng loại cây trồng suốt vụ sản xuất. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn duy tu, sửa chữa hệ thống thủy lợi, tham gia đầu tư mở rộng vùng tưới. Trong điều kiện thời tiết bình thường, hàng năm phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận với mức tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước. Tăng kinh phí duy tu sửa chữa công trình từ nguồn thu thủy lợi phí và tăng thu nhập cho người lao động. Bảo vệ an toàn hệ thống công trình thủy lợi.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Tỉnh Ủy, UBND tỉnh quan tâm đầu tư phát triển hệ thống công trình thủy lợi trong tỉnh, đặc biệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, từng bước đầu tư hoàn thiện mạng lưới thủy lợi nội đồng sẽ làm tăng diện tích, nâng cao chất lượng tưới. Hồ Dầu Tiếng được tiếp nước từ hồ Phước Hòa, cơ bản khắc phục tình trạng thiếu nước.

Năm 2020, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Tây Ninh bổ sung thi công dự án vượt sông Vàm Cỏ qua kênh TN21, diện tích tưới của huyện Châu Thành và Bến Cầu sẽ được mở rộng, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty tăng doanh thu, qua đó tăng kinh phí duy tu sửa chữa thường xuyên công trình thủy lợi, phát triển nhiều khu tưới điểm làm tăng hiệu quả tưới, tiêu, đồng thời tăng thu nhập, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.



Khai thác hệ thống công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu, hàng năm bảo đảm phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản đủ 3 vụ, tăng diện tích tưới, tiêu với chất lượng phục vụ ngày càng được nâng cao; mở rộng cấp nước công nghiệp, nước sinh hoạt cho các nhà máy và các khu công nghiệp, khu kinh tế trong tỉnh, thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch, tổ chức sản xuất kinh doanh đúng pháp luật, thực hiện tốt việc chăm lo đời sống người lao động, thúc đẩy phát triển Công ty phát triển bền vững.

Tiếp tục phát động phong trào thi đua xây dựng các khu tưới điểm, phấn đấu đến hết năm 2020 đạt 50% diện tích vùng tưới đạt tiêu chuẩn khu tưới điểm. Xây dựng kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân nhằm nâng cao kỹ năng quản lý, từng bước quản lý được khối lượng nước sử dụng, tiến tới quản lý theo hướng hiện đại hóa.

Hàng năm triệt để tiết kiệm chi phí, dành kinh phí ít nhất 30% doanh thu hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi cho việc đầu tư duy tu sửa chữa thường xuyên và đầu tư kiên cố hóa kênh mương, mở rộng diện tích và nâng cao chất lượng tưới. Ưu tiên đầu tư các công trình gồm: kênh tiêu phục vụ cho nhu cầu chuyển đổi cây trồng của nông dân, nâng cấp hệ thống tưới trong các xã điểm xây dựng nông thôn mới, nâng cấp bờ kênh phục vụ giao thông nông thôn.

Tập trung xây dựng hoàn thiện và thường xuyên chỉnh sửa, bổ sung bộ định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở cho việc thực hiện phân công lao động và phân phối thu nhập một cách khoa học hơn.

Phối hợp Chính quyền địa phương thực hiện đúng chủ trương và các quy định kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi, tăng cường công tác bảo vệ công trình, có biện pháp củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức hợp tác dùng nước.

### BIỂU SỐ 1:

#### MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018	Thực hiện năm 2019	Ước thực hiện năm báo cáo (năm 2020)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất					
a)	Cung cấp nước dịch vụ công ích thủy lợi	Ha	147.951,77	149.565,44	149.078,74	148.300,00
b)	Cung cấp nước công nghiệp	m3	6.629.562	6.952.880	6.439.071	6.666.666
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	84,78	85,349	86,908	85,203
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	8,60	6,939	5,540	6,661

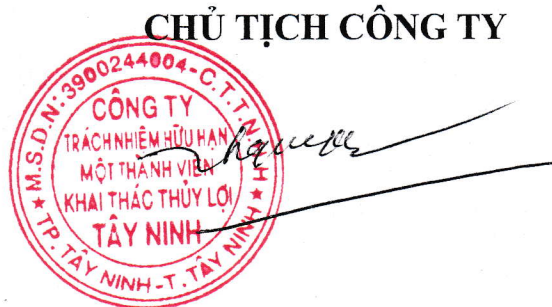
4	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	1,79	1,702	1,628	1,700
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD				
6	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có): như điểm a, mục 1					
7	Kế hoạch đầu tư phát triển	Tỷ đồng				
a)	- Nguồn ngân sách	"	14,91			
b)	- Vốn vay	"				
c)	- Vốn khác	"				
8	Tổng lao động	Người	232	230	227	230
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng				
a)	- Quỹ lương quản lý	"	1,26	1,51	1,72	1,72
b)	- Quỹ lương lao động	"	23,89	24,207	24,16	24,10

## II. Tình hình đầu tư tại các Công ty con: Công ty không có Công ty con.

Trên đây là báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và 3 năm gần nhất của Công ty, theo quy định tại Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/9/2015 của Chính phủ về công bố thông tin của Doanh nghiệp nhà nước. Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Tây Ninh xin báo cáo./.

### Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và đầu tư;
- UBND tỉnh (B/c và đăng Website UBND tỉnh);
- Sở KH-ĐT;
- Sở Tài chính;
- Chủ tịch, Ban Giám đốc Cty;
- Phòng KH-KT; QLN-CT, TV;
- Website Công ty (công bố thông tin DNNN)
- Lưu: VT, VP Công ty.



**Nguyễn Hùng Thắng**